

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chương: 412

**BIỂU CÔNG KHAI GIẢM DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022**  
**DO KHÔNG CÒN NHIỆM VỤ CHI CỦA MỘT SỐ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC (ĐỢT 1)**

(Kèm theo Quyết định số 775/QĐ-SNN ngày 12/12/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

**I. Căn cứ phân bổ:**

- Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phê duyệt giảm dự toán năm 2022 của một số đơn vị dự toán khối tỉnh do không còn nhiệm vụ chi (đợt 1);
- Báo cáo tình hình thực hiện tiến độ chi ngân sách năm 2022 của các đơn vị trực thuộc.

**II. Dự toán được giao và phân bổ như sau:**

*Đơn vị: 1.000 đồng*

Số TT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG				
				Chi cục Thủy lợi	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Chi cục Phát triển nông thôn	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn	Chi cục Kiểm lâm
A	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	(398.800)	(398.800)	(5.000)	(139.000)	(1.800)	(5.000)	(248.000)
1	Chi quản lý hành chính	(259.800)	(259.800)	(5.000)	(5.000)	(1.800)	-	(248.000)
1.1	Kinh phí không thực hiện tự chủ (Loại: 340; khoản: 341; mã nguồn: 12)	(259.800)	(259.800)	(5.000)	(5.000)	(1.800)		(248.000)
a	Chi cục Thủy lợi	(5.000)	(5.000)	(5.000)	-	-		
	Kinh phí thực hiện Chính lý và số hóa tài liệu lưu trữ	(3.000)	(3.000)	(3.000)				
	Kinh phí tổ chức hội nghị tuyên truyền, triển khai sổ tay hướng dẫn thực hiện đảm bảo cấp nước an toàn khu vực nông thôn	(2.000)	(2.000)	(2.000)				
b	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	(5.000)	(5.000)	-	(5.000)	-		
	Kinh phí tập huấn nghiệp vụ cho nhân viên thú y xã	(2.000)	(2.000)		(2.000)			
	Kinh phí mua sắm trang phục kiểm dịch	(3.000)	(3.000)		(3.000)			

Số TT	Chỉ tiêu	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG				
				Chi cục Thủy lợi	Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản	Chi cục Phát triển nông thôn	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn	Chi cục Kiểm lâm
<b>c</b>	<b>Chi cục Phát triển nông thôn</b>	<b>(1.800)</b>	<b>(1.800)</b>	-	-	<b>(1.800)</b>		
	Kinh phí quảng bá giới thiệu sản phẩm nông sản trên địa bàn các tỉnh, thành phố	(1.800)	(1.800)			(1.800)		
<b>d</b>	<b>Chi cục Kiểm lâm</b>	<b>(248.000)</b>	<b>(248.000)</b>	-	-	-	-	<b>(248.000)</b>
	Văn phòng Chi cục Kiểm lâm	(29.000)	(29.000)					(29.000)
	Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Cham Chu	(16.000)	(16.000)					(16.000)
	Hạt Kiểm lâm huyện Na Hang	(195.000)	(195.000)					(195.000)
	Hạt Kiểm lâm huyện Lâm Bình	(4.000)	(4.000)					(4.000)
	Hạt Kiểm lâm Thành phố Tuyên Quang	(3.000)	(3.000)					(3.000)
	Hạt Kiểm lâm huyện Sơn Dương	(1.000)	(1.000)					(1.000)
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>(139.000)</b>	<b>(139.000)</b>	-	<b>(134.000)</b>	-	<b>(5.000)</b>	
<b>2.1</b>	<b>Kinh phí không thực hiện tự chủ (Loại: 280; khoản: 281; mã nguồn: 12)</b>	<b>(139.000)</b>	<b>(139.000)</b>	-	<b>(134.000)</b>	-	<b>(5.000)</b>	
<b>a</b>	<b>Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản</b>	<b>(134.000)</b>	<b>(134.000)</b>	-	<b>(134.000)</b>	-		
	Kinh phí mua, bảo quản, vận chuyển vắc xin các thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực II, khu vực III	(47.000)	(47.000)		(47.000)			
	Kinh phí mua, bảo quản, vận chuyển, quản lý vắc xin cúm gia cầm	(5.000)	(5.000)		(5.000)			
	Kinh phí mua vắc xin tiêm phòng bệnh lở mồm, long móng cho đàn gia súc trên địa bàn tỉnh	(9.000)	(9.000)		(9.000)			
	Kinh phí mua vắc xin tiêm phòng bệnh viêm da nổi cục cho trâu bò trên địa bàn tỉnh	(73.000)	(73.000)		(73.000)			
<b>2.2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện tự chủ (Loại: 280; khoản: 338; mã nguồn: 12)</b>	<b>(5.000)</b>	<b>(5.000)</b>	-	-	-	-	
<b>a</b>	<b>Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn</b>	<b>(5.000)</b>	<b>(5.000)</b>	-	-	-	<b>(5.000)</b>	
	Kinh phí thực hiện cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 phòng xét nghiệm nước	(5.000)	(5.000)				(5.000)	